

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 379/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 4 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.
- Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1499/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Vũ Mạnh H**, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 98 đường Phan Văn Hớn, ấp 5, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ H1**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: **I đường P, ấp E, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **Vũ Mạnh H** trình bày:

Ông **Vũ Mạnh H** và bà **Nguyễn Thị Mỹ H1** tự nguyện chung sống từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định năm 2006.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại **số I P, ấp E, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh**. Đến tháng 4 năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng

không còn, cuộc hôn nhân của ông chỉ còn là hình thức nên ông có nguyện vọng được ly hôn với bà **H1**.

Về con chung: có 03 con chung tên **Vũ Thị Gia L**, sinh năm 2005; trẻ **Vũ Thu P**, sinh ngày 04/8/2009 và trẻ **Vũ Tiến T**, sinh ngày 06/10/2018. Sau khi ly hôn, ông **H** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục 02 trẻ **P**, **T** và không yêu cầu bà **H1** không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn bà **Nguyễn Thị Mỹ H1** vắng mặt, chỉ có nguyên đơn ông **Vũ Mạnh H** có mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về thẩm quyền thụ lý vụ án, về xác định tư cách tố tụng, về xác minh, thu thập chứng cứ, về thủ tục hòa giải, về thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng, về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ đến viện kiểm sát. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án được quy định tại các Điều 239, 243, 247, 248, 249, 250, 251, 252, 254, 258, 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn, bị đơn là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại **huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Vũ Mạnh H** và bà **Nguyễn Thị Mỹ H1** tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 11 Quyền số 02/2006 ngày 05/9/2006 của **Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định** thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông **H** và bà **H1** là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bị đơn. Nguyên đơn khai sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm.

Hội đồng xét thấy, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau nhưng bà H1 vẫn cố tình tránh né không đến Tòa án, không trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Điều này chứng tỏ bà H1 không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn trở về sống chung với nhau và hai bên không có biện pháp hàn gắn. Nhận thấy đời sống chung vợ chồng của ông H và bà H1 đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, ông H và bà H1 có 03 người con chung tên Vũ Thị Gia L, sinh năm 2005, đã trưởng thành; trẻ Vũ Thu P, sinh ngày 04/8/2009 và trẻ Vũ Tiến T, sinh ngày 06/10/2018. Ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục 02 trẻ P, T và không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con; đồng thời trẻ P có nguyện vọng sống chung với ông H nếu cha mẹ ly hôn và bà H1 không có ý kiến về việc nuôi con, cấp dưỡng nên yêu cầu của ông H là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng không xem xét.

[7] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng không xem xét.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[0] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Vũ Mạnh H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông **Vũ Mạnh H** được ly hôn với bà **Nguyễn Thị Mỹ H1**.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Ông **Vũ Mạnh H** và bà **Nguyễn Thị Mỹ H1** có 03 người con chung là **Vũ Thị Gia L**, sinh năm 2005, đã trưởng thành; trẻ **Vũ Thu P**, sinh ngày 04/8/2009 và trẻ **Vũ Tiến T**, sinh ngày 06/10/2018. Giao trẻ **Vũ Thu P** và trẻ **Vũ Tiến T** cho ông **Vũ Mạnh H** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi 02 trẻ **P, T** lần lượt trưởng thành tròn 18 tuổi. Tạm ngừng cấp dưỡng nuôi con đối với bà **H1** cho đến khi có yêu cầu của ông **H**.

Vì lợi ích của con chung, sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông **Vũ Mạnh H** phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà ông **Vũ Mạnh H** đã nộp theo biên lai thu số 0008252 ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **Vũ Mạnh H** đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Phụng